

Việt Nam tham gia hiện thực hóa Cộng đồng Kinh tế ASEAN (AEC) từ năm 2016 đến nay: kết quả, hạn chế và một số khuyến nghị

Trần Thị Thanh Tâm

Đinh Ngọc Ruấn

Học viện Chính trị Khu vực I

Cộng đồng ASEAN (AC) chính thức tuyên bố thành (31/12/2015), trong đó có Cộng đồng Kinh tế ASEAN (AEC). Tham gia hiện thực hóa những mục tiêu trong Kế hoạch tổng thể AEC 2025, đến nay, sau gần nửa chặng đường, Việt Nam đã đạt được những kết quả bước đầu đáng khích lệ, nhưng cũng nảy sinh những hạn chế nhất định. Với mong muốn thúc đẩy hơn nữa sự tham gia của Việt Nam vào AEC thời gian tới, chúng tôi mạnh dạn nêu ra một số khuyến nghị trong bài viết này.

1. Mở đầu

Sau một quá trình chuẩn bị đầy nỗ lực của các nước thành viên, đến 31/12/2015, Cộng đồng ASEAN chính thức tuyên bố thành lập. Với tư cách là một trong ba trụ cột Cộng đồng ASEAN, sự ra đời của AEC là dấu mốc quan trọng trong hội nhập kinh tế khu vực, khởi đầu cho hành trình mới của tập thể mười quốc gia thành viên ASEAN ở một mức độ liên kết cao hơn theo hướng một cộng đồng chung vận mệnh. Mặc dù tham gia ASEAN vào giai đoạn sau (1995), nhưng Việt Nam đã nhanh chóng hòa nhập vào sân chơi khu vực và có nhiều đóng góp tích cực cho việc hình thành cũng như hiện thực hóa Cộng đồng Kinh tế ASEAN (AEC). Trong phạm vi bài viết này, chúng tôi sẽ đi vào tìm hiểu một số kết quả của Việt Nam góp phần hiện thực hóa AEC từ năm 2016 đến nay, đồng thời nhìn nhận những hạn chế từ quá trình này và nêu ra một số khuyến nghị với hy vọng có thể thực hiện tốt những mục tiêu đề ra trong kế hoạch thực hiện AEC trong thời gian tới.

2. Việt Nam hiện thực hóa AEC từ 2016 đến nay

Trên cơ sở kế hoạch tổng thể của AEC đến năm 2025, cho đến nay, sau gần nửa chặng đường, Việt Nam đã tham gia một cách tích cực vào quá trình hiện thực hóa Cộng đồng Kinh tế ASEAN và đạt được những kết quả nhất định trên một số lĩnh vực:

Thứ nhất, trong tự do hóa thương mại hàng hóa và tự do hóa thương mại dịch vụ, chúng ta đang nỗ lực đơn giản hóa hệ thống các giấy phép, giấy chứng nhận, tạo điều kiện thuận lợi cho tự do hóa thương mại theo cam kết. Tính đến năm 2018, tỷ lệ xóa bỏ thuế quan của Việt Nam đối với hàng hóa trong khu vực ASEAN là 98%, cao nhất trong số 10 FTA mà Việt Nam đang tham gia. Trên cơ sở Hiệp định khung

ASEAN về dịch vụ (AFAS), hiện nay, Việt Nam cùng các nước trong khối đưa ra cam kết theo 9 Gói cam kết về thương mại dịch vụ chung, 6 Gói cam kết về dịch vụ tài chính, 8 Gói cam kết về dịch vụ vận tải hàng không... Đồng thời, để hỗ trợ cho tự do hóa dịch vụ, Việt Nam đã tiến hành sửa đổi và ban hành một số luật liên quan như Luật Đầu tư, Luật đầu tư công, Luật Thương mại, Luật Doanh nghiệp, cùng nhiều Nghị định, văn bản hướng dẫn thực hiện các luật này.

Thứ hai, việc thực hiện nghĩa vụ thành viên của Việt Nam về hợp tác hải quan, cũng cơ bản đã đạt được các mục tiêu theo hướng bãi bỏ hoặc đơn giản hóa thủ tục hành chính. Số lượng thủ tục hành chính trong lĩnh vực Hải quan hiện tại là 204 thủ tục hành chính. Vấn đề hiện đại hóa hải quan của Việt Nam cũng thu được những kết quả đáng kể với 100% hoạt động thông quan đã áp dụng hệ thống VNACCS/VCIS (hệ thống thông quan tự động). Cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa ASEAN được thực hiện đồng bộ, thông suốt tạo thuận lợi cho các doanh nghiệp trong giảm tải các thủ tục hành chính, hỗ trợ cho hoạt động xuất nhập khẩu giữa các bên phát triển. Tính đến ngày 31/01/2020, tổng số C/O (Cơ chế một cửa ASEAN về e-C/O form D) Việt Nam nhận từ các nước ASEAN là 165.061 C/O, tổng số C/O Việt Nam gửi sang các nước là 201.652 C/O.

Thứ ba, trên cơ sở hoàn thiện khung pháp lý trong nước nhằm cải thiện môi trường đầu tư, hoạt động đầu tư và thu hút đầu tư giữa Việt Nam với ASEAN đã đạt được những kết quả đáng khích lệ. Tính lũy kế đến ngày 20/4/2020, hiện có 136 quốc gia, vùng lãnh thổ đầu tư tại Việt Nam với 31.862 dự án còn hiệu lực với tổng vốn đăng ký 373,1 tỷ USD. Trong tổng số 136 quốc gia và vùng lãnh thổ đầu tư vào Việt Nam thì nguồn vốn đầu tư từ các nước ASEAN đứng vị trí thứ 3, sau Nhật Bản và Hàn Quốc.

Thứ tư, việc nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đáp ứng cho hợp tác lao động nội khối cũng được chú ý. Với việc tham gia AEC, Việt Nam đã thực hiện một loạt các sửa đổi, luật hóa văn bản chuyên ngành hoặc các văn bản dưới luật liên quan đến các nhóm ngành nghề có cam kết về tự do dịch chuyển lao động trong ASEAN như: Luật Xây dựng 2014, Luật Du lịch 2017, Bộ luật Lao động 2019... Đồng thời, chúng ta cũng có một loạt các văn bản pháp luật liên quan đến đào tạo nghề, chẳng hạn như Luật giáo dục nghề nghiệp (7/2015), hay Quyết định số 150/QĐ-TTg về Phê duyệt đề án truyền thông về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục, đào tạo và dạy nghề (21/1/2016), qua đó hình thành hành lang pháp lý, tạo điều kiện cho đổi mới và phát triển giáo dục nghề nghiệp, nâng cao số lượng và chất lượng nguồn nhân lực lao động cho quốc gia trong quá trình hiện thực hóa các cam kết của AEC.

Thứ năm, trong hợp tác với ASEAN về thương mại điện tử. Với việc xác định thương mại điện tử là một trong 11 lĩnh vực ưu tiên để đưa ASEAN tiếp tục tăng trưởng, Việt Nam đã từng bước hoàn thiện khung pháp lý về thương mại điện tử để tiến tới phê chuẩn Hiệp định thương mại điện tử ASEAN 2019. Trong giai đoạn từ 2016 đến nay, đáng chú ý có Luật an ninh mạng được Quốc hội thông qua năm 2018 và Nghị định số 130/2018/NĐ-CP (ngày 27/9/2018) quy định chi tiết thi hành Luật Giao dịch điện tử về chữ ký số và dịch vụ chữ ký số, thay thế cho một số Nghị định được thực hiện ở giai đoạn trước đó.

Thứ sáu, Việt Nam đã góp phần tích cực vào quá trình thu hẹp khoảng cách phát triển so với các nước ASEAN nhóm trên như mục tiêu đề ra của AEC. Cùng với những đóng góp ở giai đoạn trước khi hình thành AEC (2015), trong giai đoạn mới, để thu hẹp khoảng cách phát triển, Việt Nam tích cực tham gia vào một số Chương trình như: Hợp tác tiểu vùng sông Mê Kông mở rộng dành cho Việt Nam, Lào, Campuchia, Thái Lan, Myanmar và tỉnh Vân Nam (Trung Quốc

3. Hạn chế từ quá trình tham gia của Việt Nam vào AEC từ 2016 đến nay

Bên cạnh những kết quả đạt được, quá trình tham gia của Việt Nam vào Cộng đồng Kinh tế ASEAN (AEC) từ 2016 đến nay, cũng bộc lộ một số hạn chế. Điều đó được thể hiện ở những khía cạnh sau:

Trong thực hiện nghĩa vụ thành viên của Việt Nam về hợp tác hải quan. Mặc dù, chúng ta đã có hệ thống quy phạm pháp luật hải quan tương đối hoàn chỉnh, nhưng không ổn định, thiếu đồng bộ và mang tính chằng chéo (nằm ở nhiều văn bản, ở nhiều ngành) gây ảnh hưởng tới việc thực hiện nghĩa vụ thành viên của Việt Nam về hợp tác hải quan với các nước ASEAN. Mặt khác, cơ sở hạ tầng phục vụ cho hoạt động của hải quan Việt Nam chưa thực sự hoàn chỉnh.

Sự tham gia của Việt Nam trong hợp tác lao động với các nước trong ASEAN cũng bộc lộ nhiều hạn chế. Số lượng lao động di chuyển nội khối của Việt Nam mới chiếm 5,13% tổng số lượng lao động di cư ra nước ngoài và chủ yếu là nhóm có tay nghề thấp. Sự tham gia của Việt Nam trong hợp tác lao động với các nước trong ASEAN chưa thực sự tích cực.

Trong hợp tác giữa Việt Nam với các nước ASEAN về thương mại điện tử cũng nảy sinh hạn chế nhất định. Tuy đã cùng các nước ASEAN tham gia ký Hiệp định thương mại điện tử ASEAN 2019, nhưng đến nay, Việt Nam và một số nước vẫn chưa phê chuẩn, nên Hiệp định chưa có hiệu lực. Pháp luật thương mại điện tử của Việt Nam mới chỉ tập trung vào vấn đề trách nhiệm của tổ chức, cá nhân khi thu thập, xử lý, sử dụng, lưu trữ thông tin cá nhân của người khác trên môi trường mạng, chứ chưa thiết lập được các nguyên tắc trong bảo vệ thông tin cá nhân và nhiều vấn đề khác liên quan đến cá nhân.

Về vấn đề thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài, mặc dù đã có nhiều cải cách nhằm cải thiện môi trường đầu tư, nhưng cho đến nay, nguồn vốn đầu tư từ các nước ASEAN vào Việt Nam chưa cao, chỉ đứng thứ ba, sau Nhật Bản và Hàn Quốc. Dự án đầu tư của các nước trong khối chủ yếu đến từ một số nước như Singapore, Thái Lan, Malaixia và tập trung ở một số lĩnh vực (chế biến, chế tạo, dệt may, kinh doanh bất động sản), trong khi ở lĩnh vực có tiềm năng như nông nghiệp thì tỷ lệ dự án và vốn đầu tư của ASEAN tại Việt Nam còn hạn chế.

Ngoài những hạn chế trên, trong thu hẹp khoảng cách phát triển cũng như tỷ lệ trao đổi thương mại nội khối giữa Việt Nam với các nước ASEAN vẫn còn những bất cập. Mặc dù, chúng ta đã có sự tăng tiến về điểm số và thứ hạng năng lực cạnh tranh, nhưng cho đến nay, Việt Nam vẫn đứng thứ 6 trong khu vực Đông Nam Á sau 5 quốc gia: Singapore, Malaysia, Thái Lan, Indonesia, Philippin. Tỷ số xuất khẩu với ASEAN chỉ chiếm 10% và 20% nhập khẩu của Việt Nam.

4. Một số khuyến nghị

Từ những kết quả đạt được cũng như những hạn chế nảy sinh, trong thời gian tới, để hội nhập vào AEC hiệu quả hơn nữa, ở góc độ quản lý Nhà nước về kinh tế, Việt Nam cần chú ý tới những vấn đề chủ yếu sau đây:

Thứ nhất, tiếp tục rà soát để điều chỉnh, bổ sung nội dung các luật cũng như văn bản dưới luật theo hướng ngày càng tiệm cận với hệ thống luật quốc tế, phản ánh chính xác hơn, đầy đủ hơn quy định trong các hiệp định, thỏa thuận, tuyên bố của AEC, nhất là trong lĩnh vực thương mại, đầu tư. Trong quá trình này, cần có sự tham vấn ý kiến của cộng đồng doanh nghiệp và của người dân, để có thể nâng cao chất lượng các văn bản pháp luật và hiệu lực thực thi các văn bản pháp luật.

Thứ hai, trong điều kiện xây dựng nền kinh tế thị trường, định hướng xã hội chủ nghĩa, Nhà nước cần kết hợp chặt chẽ bàn tay nhà nước với bàn tay thị trường, coi trọng tính đồng bộ, hài hòa của các mục tiêu, loại công cụ chính sách và sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan chức năng hữu quan, tạo mọi điều kiện thuận lợi khuyến khích kinh tế tư nhân phát triển.

Thứ ba, Nhà nước nâng cao hệ thống dự báo và thông tin thị trường, các chính sách và các cam kết trong quá trình hội nhập AEC nói riêng, quốc tế nói chung, để kịp thời đưa ra các cảnh báo cần thiết về các biến động của thị trường và có chính sách cụ thể trong quá trình điều tiết kinh tế vĩ mô, cũng như nhằm tăng năng lực phản ứng chính sách và thị trường cho quản lý kinh doanh của cộng đồng doanh nghiệp.

Thứ tư, tăng cường đầu tư khoa học học công nghệ, đào tạo lao động, thu hút sử dụng và tôn vinh nhân tài, các doanh nhân, nguồn nhân lực trình độ cao và nâng cao chất lượng công tác cán bộ.

Về phía cộng đồng doanh nghiệp của Việt Nam, cần chủ động nắm bắt các nội dung, cam kết và lộ trình thực tế của các hiệp định trong AEC để tận dụng các cơ hội, hạn chế các thách thức, có sự chuẩn bị trên các phương diện đáp ứng cho quá trình hội nhập kinh tế ngày càng sâu hơn trong thời gian tới khi tiến tới hoàn thiện một khu vực thị trường và sản xuất chung của AEC.

Đối với lĩnh vực hợp tác lao động trong AEC, Việt Nam cần có sự phối hợp hiệu quả từ phía Nhà nước, cộng đồng doanh nghiệp và dân cư:

Thứ nhất, Nhà nước cần tích cực chuẩn bị và vạch ra lộ trình thông qua và thực thi các công ước quốc tế về lao động di cư; ưu tiên di chuyển lao động có kỹ năng thông qua các thỏa thuận tay nghề tương đương (MRA), trước hết là 8 nhóm ngành nghề dịch vụ tay nghề cao, tiến tới mở rộng ngành nghề của các dòng di chuyển lao động của Việt Nam trong nội khối ASEAN.

Thứ hai, cộng đồng doanh nghiệp cần tích cực, chủ động trong nghiên cứu thị trường lao động ASEAN, các yêu cầu tiêu chuẩn về lao động trong các ngành nghề để có cách thức đào tạo về kỹ năng, tay nghề, thể lực, kỹ luật lao động nhằm thích nghi với thị trường lao động của các nước trong AEC, đồng thời cần đẩy mạnh việc kết nối giữa các cơ sở đào tạo lao động trong nước với các cơ sở đào tạo có uy tín trong ASEAN, để nâng cao hiệu quả hợp tác lao động với các quốc gia trong khu vực.

Thứ ba, người lao động Việt Nam khi tham gia vào di chuyển lao động nội khối ASEAN, trước hết phải có ý thức, trách nhiệm với bản thân trong việc tự trang bị những kiến thức về tay nghề, ngoại ngữ, tin học, văn hóa, tâm lý để có thể thích nghi với môi trường lao động của các quốc gia trong ASEAN mà mình dự định tới làm việc.

5. Kết luận

Như vậy, với việc thành lập AEC (2015) và sự tham gia một cách tích cực của Việt Nam vào việc hiện thực hóa mục tiêu đề trong Kế hoạch tổng thể của AEC đến năm 2025, chúng ta đã đạt được những kết quả đáng kể trên một số lĩnh vực như: Hợp tác hải quan về thương mại điện tử; thu hẹp khoảng cách phát triển; cải cách thủ tục hành chính để thu hút đầu tư và tham gia đầu tư trực tiếp với các nước ASEAN... Tuy nhiên, sự tham gia của Việt Nam vào quá trình hiện thực hóa AEC trong thời gian qua cũng bộc lộ những hạn chế nhất định trên các phương diện như: tự do di chuyển lao động nội khối chủ yếu là là lao động có kỹ năng thấp, hoặc không có kỹ năng; tỷ lệ vốn đầu tư và thu hút đầu tư trực tiếp giữa Việt Nam với các nước trong khối còn thấp... Để có thể thực hiện tốt những mục tiêu đề ra trong kế hoạch thực hiện AEC 2025, trong thời gian tới, Việt Nam cần đẩy mạnh hợp tác chặt chẽ trên lĩnh vực kinh tế với các nước ASEAN, cũng như có sự vào cuộc một cách tích cực hơn từ phía cơ quan quản lý Nhà nước về kinh tế, sự tham gia tích cực, chủ động, sáng tạo của cộng đồng doanh nghiệp, cùng với sự chuẩn bị và những thay đổi trong ý thức của lao động Việt Nam khi tham gia AEC./.

Tài liệu tham khảo

Nguyễn Quỳnh Anh (2020), Đầu tư trực tiếp nước ngoài trong ASEAN và sự tham gia của Việt Nam sau 25 năm hội nhập, Kỷ yếu Hội thảo cấp Trường, ĐH Luật Hà Nội.

Ngô Thị Ngọc Ánh (2020), Thực hiện nghĩa vụ thành viên của Việt Nam về hợp tác Hải quan ASEAN, Kỷ yếu Hội thảo cấp Trường, ĐH Luật Hà Nội.

Lê Phương Hòa (2020), 20 năm thực hiện sáng kiến hội nhập ASEAN và sự tham gia của Việt Nam, Kỷ yếu Hội thảo cấp Trường, ĐH Luật Hà Nội.

Nguyễn Ngọc Lan (2017), Di chuyển lao động có kỹ năng trong Cộng đồng Kinh tế ASEAN (AEC) và thị trường lao động ASEAN sau 2015, Viện Nghiên cứu Đông Nam Á, Đề tài NCKH cấp Bộ, Hà Nội.

Đoàn Quỳnh Thương (2020), Hợp tác ASEAN về thương mại điện tử và vấn đề hoàn thiện khung pháp lý về thương mại điện tử tại Việt Nam, Kỷ yếu Hội thảo cấp Trường, ĐH Luật Hà Nội.

Lê Minh Tiến (2020), 25 năm hội nhập ASEAN: Một chặng đường “gắn kết và chủ động thích ứng”, Kỷ yếu Hội thảo cấp Trường, ĐH Luật Hà Nội.